

Số: 206/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 19 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 623/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Cao Văn H**, sinh ngày 15/5/1976; Căn cước công dân số: 038076033035, cấp ngày 05/8/2022 do Cục C cấp.

Địa chỉ cư trú: Khu phố Q, phường T, thành phố Đ.

2. Bà **Trương Thị T**, sinh ngày 10/02/1981; Căn cước công dân số: 037181011905, cấp ngày 09/8/2021 do Bộ C1 cấp.

Địa chỉ cư trú: Khu phố Q, phường T, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn H và bà Trương Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Giữa ông H và bà T có 02 con chung tên Cao Ngọc Phương T1, sinh ngày 09/11/2013 và cháu Cao Ngọc H1, sinh ngày 11/8/2021. Ly hôn ông H và bà T thỏa thuận giao con cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: ông H và bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông H và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: ông H và bà T tự nguyện nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành thành ngày 11 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự

nguyên và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn H và bà Trương Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Cao Ngọc Phương T1, sinh ngày 09/11/2013 và cháu Cao Ngọc H1, sinh ngày 11/8/2021 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông H và bà T xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết..

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Cao Văn H và bà Trương Thị T tự nguyện nộp mỗi người 150.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng số 0010232 và số 0010233 ngày 05/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Các đương sự đã nộp xong tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND KV3-ĐN;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- UBND xã Đức Hạnh, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước (nay là xã Phú Nghĩa, thành phố Đồng Nai) (GCN số 27 quyền số 01/2007, ngày 29/3/2007);
- Lưu: Hồ sơ vụ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trịnh Viết Được